TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2022/DS-ST
Ngày: 09-5-2022
"V/v: T/c hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Chí Lin,
2. Bà Trần Thị Đổi.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phan Thanh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ , tỉnh Long An.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ , tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 424/2021/TLST-DS ngày 31/12/2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 49/2022/QĐST-DS ngày 15/4/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn C , sinh năm 1956, (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã ANT, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Ánh T , sinh năm 1970, (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp AH, xã ANĐ, huyện Đ , tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/12/2021, bản tự khai ngày 05/9/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ngày 24/12/2019 (Âm lịch), ông Nguyễn Văn C có cho bà Trần Thị Ánh T vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 7%/tháng, thời hạn vay là 1 tháng, đến tháng 01/2020 bà T có nghĩa vụ trả cho ông C số tiền nêu trên nhưng bà T không thực hiện. Đến ngày 09/7/2020 dương lịch, ông C tiếp tục cho bà T vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 7%/tháng, bà T có thỏa thuận sẽ trả số tiền 10.000.000 đồng vào tháng 8/2020 (dương lịch).

Từ khi vay đến nay, bà T đã trả lãi cho ông C 9.800.000 đồng. Tuy nhiên, từ tháng 01/2021 đến nay bà T không trả lãi và cũng không thanh toán tiền gốc cho ông C .

Nay ông C khởi kiện với yêu cầu: Buộc bà Trần Thị Ánh T có nghĩa vụ trả cho ông C số tiền gốc 30.000.000 đồng, không yêu cầu chồng bà T vì bà T sống độc thân và không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông C giữ nguyên yêu cầu trong đơn khởi kiện, không cung cấp thêm chứng cứ. Đối với bị đơn bà T không có yêu cầu phản tố, vắng mặt trong quá trình thụ lý giải quyết và vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Tòa án đã tiến hành tống đạt các thủ tục tố tụng cho bà T theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà T biết Tòa án đang thụ lý giải quyết tranh chấp với ông C nhưng bà T không tham gia cung cấp ý kiến, không tham gia hòa giải, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bà T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông C khởi kiện yêu cầu bà T trả 30.000.000 đồng. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bà T hiện đang cư trú tại huyện Đ , căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ , tỉnh Long An, theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Xét bị đơn bà T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông C cho rằng ngày 24/12/2019 (Âm lịch), ông C có cho bà Trần Thị Ánh T vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 7%/tháng, thời hạn vay là 1 tháng, đến tháng 01/2020 bà T có nghĩa vụ trả cho ông C số tiền nêu trên nhưng bà T không thực hiện. Đến ngày 09/7/2020 dương lịch, ông C tiếp tục cho bà T vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 7%/tháng, bà T có thỏa thuận sẽ trả số tiền 10.000.000 đồng vào tháng 8/2020 (dương lịch). Từ khi vay đến nay, bà T đã trả lãi cho ông C 9.800.000 đồng. Tuy nhiên, từ tháng 01/2021 đến nay bà T không trả lãi và cũng không thanh toán tiền gốc cho ông C. Nay ông C khởi kiện với yêu cầu: Buộc bà Trần Thị Ánh T có nghĩa vụ trả cho ông C số tiền gốc 30.000.000 đồng, không yêu cầu chồng bà T vì bà T sống độc thân và không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa hôm nay, bà T vắng mặt, không có văn bản phản hồi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét bản chính giấy tạm mượn tiền không ghi ngày tháng năm thể hiện "Tôi tên, Ánh T (L), ấp AH, ANĐ, có nhờ Tư C, mượn với số tiền là: ngày 24/12 AL là

(20 triệu) ngày 09/7 Dlịch là (10 triệu đồng) Tổng cộng là 30 triệu đồng, lãi suất 7% tháng. Hàng tháng tôi trả lãi đúng lời hứa hẹn". Như vậy có đủ căn cứ kết luận bà T có vay của ông C 30.000.000 đồng nên buộc bà T trả cho ông C 30.000.000 đồng là phù hợp với quy định Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2]. Về lãi suất: Ông C không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về trách nhiệm liên đới: Ông C không yêu cầu chồng bà T cùng trả tiền vì bà T sống độc thân nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Ông C thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, buộc bà T phải chịu 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* đối với bà Trần Thị Ánh T .

Buộc bà Trần Thị Ánh T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền 30.000.000 đồng *(Ba mươi triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) bên có nghĩa vụ chưa thi hành xong số tiền trên thì còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

2. Về án phí: Buộc bà T phải nộp số tiền 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử tuyên án công khai, trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết.

"Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án".

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hồng Sơn

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khắc Linh Duy